

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **396** /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **03** tháng **02** năm 2026

V/v báo giá Cung cấp vật tư, thiết bị điện  
phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng (lần 2)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư, thiết bị điện phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: [dongtrieu.dtk@gmail.com](mailto:dongtrieu.dtk@gmail.com)).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 09/02/2026.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hùng

**PHỤ LỤC: THÔNG TIN VẬT TƯ, THIẾT BỊ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ**

*(Kèm theo Văn bản số 396 /NĐĐT-KHVT ngày 03 / 02 /2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)*

| STT | Tên vật tư           | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                          | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 1   | Thang đo mức tại chỗ | Mã hiệu: TQ-UHZ-P-5-1.0-L6465; Bao gồm 2 mặt bích và van xả của nhà sản xuất Beijing Tieqiang Technology Development Co., Ltd                                                        |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 2   | Cảm biến cảm ứng     | Mã hiệu: II0005 II-2010- ABOA; S:10 mm f; U: 20...250VAC/ DC; 45...65Hz for AC; I: 350 mA AC; 100 mA DC của nhà sản xuất Ifm Electronic                                              |                          | Cái         | 03         |                     |                    |                   | (**)    |
| 3   | Contacto             | Mã hiệu: 3TB40; 22-OX; 2NO+2NC; IEC 60947-4-1; GB14048.4; Ui=660V; Ith=20A; Ie: 9A; AC-3; điện áp: 380V; công suất: 2.2kW của nhà sản xuất siemens electrical Apparatus Ltd., Suzhou |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 4   | Attomat bảo vệ       | Mã hiệu: 3VU1340-2MG00: Ue~415V/690V; Icu/Ics:100kA/2KA; I>Icu; 20A; dòng định mức: 1-1.6A; 1NO của nhà sản xuất Siemens                                                             |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |

| STT | Tên vật tư                                                   | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 5   | Thang đo mức chất lỏng phao từ tính có truyền tín hiệu từ xa | Loại: JZF; chiều dài: 1.3m; áp lực làm việc: 1.0Mpa; nguồn cấp 24VDC; tín hiệu ra: 4-20mA; (Bao gồm 2 mặt bích và van xả)                                                                                                                                                                                               |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   |         |
| 6   | TI                                                           | Mã hiệu: BH-0.66CT; Dòng sơ cấp: 400A, dòng thứ cấp: 1A; công suất tải định mức của mạch thứ cấp: 5VA; cấp chính xác: 0.5; tần số: 50/60Hz; điện áp làm việc: 660V/3KV của nhà sản xuất Hangzhou Haihao Electric Appliance Co.,Ltd                                                                                      |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 7   | Công tắc hành trình                                          | Mã hiệu: YBLX-12/2; Ui 380V, Ith 3A, IP50 của nhà sản xuất CHINT                                                                                                                                                                                                                                                        |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 8   | Sứ cách điện                                                 | Thông số kỹ thuật: điện áp định mức 600V; tần số 50Hz; điện áp phóng khô $\geq 30kV$ ; điện áp phóng ướt $\geq 17kV$ ; bu lông ty sứ $\varnothing 12mm$ ; chiều dài bu lông 170 -200mm (kèm gioăng, lõi kết nối - lắp đặt cho máy biến áp chỉnh lưu mã hiệu GDZ-1.0/72 của nhà sản xuất Zhejiang Liancheng Environmetal |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   |         |

| STT | Tên vật tư              | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                        | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
|     |                         | Protection Technology Co., Ltd)                                                                                                                                    |                          |             |            |                     |                    |                   |         |
| 9   | Module điều khiển / HMI | Mã hiệu: DSE 5520 WITH RS485 v11.02;<br>Mã sản phẩm chi tiết: 5520-009-02;<br>Kết nối: Có hỗ trợ RS485 (Modbus RTU);<br>Nhà sản xuất: Deep Sea Electronics         |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 10  | Transducer dòng điện    | Mã hiệu:<br>LF-AI31-54A42-0.5/0~5A<br>Đầu vào: 0~5 A AC<br>Đầu ra: 4~20 mA<br>Nguồn cấp: 24 V DC<br>Nhà sản xuất: Shenzhen Yuanxin Liquid Power Equipment Co., Ltd |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 11  | Transducer điện áp      | Mã hiệu: LF-AV32-54A26-0.5<br>Đầu vào: 500 VAC<br>Đầu ra: 4~20 mA<br>Nguồn cấp: 24 V DC<br>Nhà sản xuất: Shenzhen Yuanxin Liquid Power Equipment Co., Ltd          |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 12  | Transducer công suất    | Mã hiệu: LF-P32-59A44<br>Đầu vào: 500 V, 5A, 0~4330 W<br>Đầu ra: 4~20 mA<br>Nguồn cấp: 24 V DC<br>Nhà sản xuất: Shenzhen Yuanxin Liquid Power Equipment Co., Ltd   |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |

| STT | Tên vật tư                          | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                     | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 13  | Transducer tần số                   | Mã hiệu: LF-F11-59A43<br>Đầu vào: 5–55 Hz (AC 220V)<br>Đầu ra: 4–20 mA<br>Nguồn cấp: AC 220 V<br>Nhà sản xuất: Shenzhen Yuanxin Liquid Power Equipment Co., Ltd |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 14  | Bộ điều khiển tốc độ động cơ Diesel | Mã hiệu: ESD5500E của nhà sản xuất GAC (Governors America Corp)                                                                                                 |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 15  | Sứ cách điện 7,2kV                  | Kích thước: Ø70x110mm (Lắp cho động cơ kiểu: YKK500-4TH; Điện áp: 6.6kV; Công suất: 1000KW của nhà sản xuất SHANGHAI ELECTRIC MACHINERY CO.,Ltd)                |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   |         |
| 16  | Sứ cách điện 7,2kV                  | Kích thước: Ø70x90mm (Lắp cho động cơ: Kiểu: YSPKK630-4W-TH; Điện áp: 6.6kV; Công suất: 2240KW của nhà sản xuất XIANGTAN ELECTRIC MANUFACTURING)                |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   |         |
| 17  | Bộ chuyển đổi hệ số công suất       | Mã hiệu: JA9774H-A; Cấp chính xác: 0,5; Input: AC 120V; Output: DC 4-20mA; Nguồn nuôi: AC/DC 110-220V của nhà sản xuất Hunan                                    |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |

| STT | Tên vật tư                | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                            | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
|     |                           | Xianghu Electric Co., Ltd                                                                                                                              |                          |             |            |                     |                    |                   |         |
| 18  | Bộ chuyển đổi tần số      | Mã hiệu: JA9774F-A; Cấp chính xác: 0,5; Input: AC 120V; Output: DC 4-20mA; Nguồn nuôi: AC/DC 110-220V của nhà sản xuất Hunan Xianghu Electric Co., Ltd |                          | Bộ          | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 19  | Tiếp điểm phụ             | Mã hiệu: LADN11; 1NO+1NC của nhà sản xuất Schneider                                                                                                    |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 20  | Switch gạt dây sự cố      | Mã hiệu: HKLS-II của nhà sản xuất Wuxi Hengtai Electric Control Equipment Co.,Ltd                                                                      |                          | Cái         | 02         |                     |                    |                   | (**)    |
| 21  | Đầu cảm biến đo TSS       | Mã hiệu: Turbimax CUS51D-10F9/0 của nhà sản xuất Endress + Hauser                                                                                      |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 22  | Đầu cảm biến đo COD       | Mã hiệu: ViomaxCAS51D-15M1/0 của nhà sản xuất Endress + Hauser                                                                                         |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 23  | Sensor đo lưu lượng       | Mã hiệu: FDU90-RG2AA Prosonic S của nhà sản xuất Endress+Hauser                                                                                        |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 24  | Bộ truyền dữ liệu         | Mã hiệu: Dlogger-18 của nhà sản xuất Deahan                                                                                                            |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 25  | Đèn LED Panel chiếu thẳng | Model: P08 600x1200/100w 250V/50Hz 6500K của nhà sản xuất Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông                                                |                          | Bộ          | 10         |                     |                    |                   |         |

| STT | Tên vật tư                | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                                  | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời gian giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 26  | Quạt thông gió            | Loại: YBF2-71M2-4; 0,37kW                                                                                                                    |                          | Cái         | 03         |                     |                    |                   |         |
| 27  | Quạt thông gió            | Loại: YBF3-71M1-4; 0,25kW                                                                                                                    |                          | Cái         | 03         |                     |                    |                   |         |
| 28  | Quạt thông gió            | Loại: YSF-6314; 0,12kW                                                                                                                       |                          | Cái         | 05         |                     |                    |                   |         |
| 29  | Bộ giám sát điện áp acquy | Mã hiệu: TEP-B-D của nhà sản xuất TITANS                                                                                                     |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 30  | Aptomat                   | Mã hiệu: KFM2-100M/3300; 16A; Hãng sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Electric Co., Ltd                                                             |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 31  | Ắc quy                    | Mã hiệu: CP1270; điện áp 12V; dung lượng 7Ah; Dòng nạp lớn nhất: 2.8A; Nạp thường 13.38-13.8V; nạp kích: 14.4-14.7V; của nhà sản xuất VISION |                          | Cái         | 12         |                     |                    |                   | (**)    |
| 32  | Màn hình giám sát tốc độ  | Mã hiệu: 1900/65A-00-01-01-00-00; input; 18-36VDC; tốc độ: 0-6000rpm; Output: 4-20mA; của nhà sản xuất Bently Nevada                         |                          | Cái         | 01         |                     |                    |                   | (**)    |
| 33  | Công tắc áp suất          | Mã hiệu: KP1; (Range -0.2-7.5bar; Diff 0.7-4Bar; Cone 1/4in Flare G3/8. Code no: 060-110191; loại kết nối ren; M20x1.5mm; Contact)           |                          | Cái         | 04         |                     |                    |                   | (**)    |

| STT | Tên vật tư                                        | Quy cách, đặc tính kỹ thuật                                                                                                           | Nhà sản xuất/Xuất xứ (*) | Đơn vị tính | Khối lượng | Thời giao hàng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|----------------|--------------------|-------------------|---------|
|     |                                                   | của nhà sản xuất Danfoss                                                                                                              |                          |             |            |                |                    |                   |         |
| 34  | Bộ truyền động                                    | Mã hiệu: RC240-SR080QHT; ACTUATOR F10/F07-22; MAX PRESSURE: 1.0Mpa/10bar/150psi; Max volume: 0,9L; Hãng sản xuất Rotork Fluid Systems |                          | Bộ          | 01         |                |                    |                   | (**)    |
|     | <b>Tổng</b>                                       |                                                                                                                                       |                          |             |            |                |                    |                   |         |
|     | <b>Thuế GTGT</b>                                  |                                                                                                                                       |                          |             |            |                |                    |                   |         |
|     | <b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)</b> |                                                                                                                                       |                          |             |            |                |                    |                   |         |
|     | <b>Bảng chữ:</b>                                  |                                                                                                                                       |                          |             |            |                |                    |                   |         |

**Ghi chú:**

- (\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét;
- (\*\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.